



BỘ Y TẾ  
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam  
ĐT: +84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

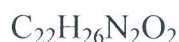
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH  
*Certificate of Analysis*

CHUẨN ĐỐI CHIỀU THỨ CẤP  
*Secondary Reference Substance*

VINPOCETIN



SKS: C0319239.03

- I. **Mục đích sử dụng:** Chuẩn đối chiều thứ cấp Vinpocetin SKS: C0319239.03 được sử dụng cho các phép thử định tính và định lượng bằng phương pháp phân tích hóa lý.

*Intended use:* The Secondary Reference Substance of Vinpocetine control No. C0319239.03 is intended to be used in physicochemical analysis for assay and identifications.

- II. **Mô tả:** Bột kết tinh màu trắng.

*Description:* A white, crystalline powder.

- III. **Kết quả phân tích:** Đối chiếu với chuẩn Vinpocetin USPRS lô F01311 có hàm lượng 100,0 %  $C_{22}H_{26}N_2O_2$ , tính theo nguyên trạng.

*Analytical data:* The Vinpocetine USPRS Lot. F01311 was used as Standards and regarded as 100.0 %  $C_{22}H_{26}N_2O_2$ , calculated on the as is basis.

1. Định tính (*Identifications*)

a. Phổ hồng ngoại *IR* : Phù hợp với phổ hồng ngoại của Vinpocetin chuẩn.  
*Concordant with the infrared absorption spectrum of Vinpocetine RS*

b. Góc quay cực riêng *Specific optical rotation* : +131,30°

2. Mất khối lượng do làm khô *Loss on drying* : 0,08 %

3. Tạp chất liên quan (HPLC) *Related substances* : Mỗi tạp ≤ 0,02 %  
Tổng tạp ≤ 0,03 %  
*Each impurity ≤ 0.02 %*  
*Total impurities ≤ 0.03 %*

4. Định lượng (HPLC)

Assay

: 100,05 %  $C_{22}H_{26}N_2O_2$ , tính theo nguyên trạng.

Độ không đảm bảo đo mở rộng  $U = 0,19$  %, hệ số phủ  $k = 2$  ở độ tin cậy 95 %.

100.05 %  $C_{22}H_{26}N_2O_2$ , calculated on the "as is" basis. Expanded uncertainty of the certified value  $U = 0.19$  %, using a coverage factor  $k = 2$  at level of confidence approximately 95 %.

IV. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng

*Direction for use: Do not dry before use*

V. Bảo quản: Nhiệt độ 2 – 8 °C, tránh ánh sáng.

*Storage: Keep container protected from light, preferably at the temperature from 2 – 8 °C.*

*Updated date*  
8<sup>th</sup> August 2025

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025

VIỆN TRƯỞNG

*Director*



**Lê Quang Thảo**

| Kiểm tra định kỳ (Re-test year) |                           |                        |
|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Dã kiểm tra<br>(năm)            | Kiểm tra lần sau<br>(năm) | Phụ trách khoa<br>(ký) |
| <i>Last re-test</i>             | <i>Next re-test</i>       | <i>Signature</i>       |
| 2025                            | 2028                      | <i>alr</i>             |
|                                 |                           |                        |
|                                 |                           |                        |
|                                 |                           |                        |

Các thông tin về chất chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.gov.vn>

*Visit the flowing link to see the updated information of reference substances:*  
<http://www.nidqc.gov.vn>